

148. Diện tích gieo trồng cây lâu năm phân theo huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh
Planted area of some perennial by district

Đơn vị tính - Unit : Ha

	2014	2015	2016	2017	Sơ bộ Prel.2018
TỔNG SỐ - TOTAL	402.843	406.742	409.789	414.823	420.156
<i>Phân theo đơn vị cấp huyện - by districts</i>					
- Thị xã Phước Long	7.770	7.763	7.757	7.714	7.682
- Thành phố Đồng Xoài	10.404	10.332	10.344	10.368	10.240
- Thị xã Bình Long	9.419	9.424	9.514	9.517	9.520
- Huyện Bù Gia Mập	86.401	39.397	42.261	43.149	48.414
- Huyện Phú Riềng		47.001	47.141	47.144	47.112
- Huyện Lộc Ninh		43.452	43.727	45.228	45.349
- Huyện Bù Đốp		17.674	18.201	19.791	19.848
- Huyện Hớn Quản	48.237	47.986	48.106	48.046	48.167
- Huyện Đồng Phú	52.133	54.350	53.128	53.278	52.703
- Huyện Bù Đăng	99.521	100.704	100.898	103.291	103.987
- Huyện Chơn Thành	27.832	27.857	27.584	27.297	27.134

150. Sản lượng cây lâu năm phân theo huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh
Production of some perennial by district

Đơn vị tính: Tấn - Unit : Ton

	2014	2015	2016	2017	Sơ bộ Prel. 2018
TỔNG SỐ - TOTAL	551.545	577.016	551.048	528.192	592.527
<i>Phân theo đơn vị cấp huyện - by districts</i>					
- Thị xã Phước Long	13.187	14.209	10.557	9.104	11.852
- Thành phố Đồng Xoài	15.773	18.224	17.020	17.282	20.266
- Thị xã Bình Long	15.902	17.041	17.434	18.035	19.781
- Huyện Bù Gia Mập	119.852	63.224	57.315	45.993	56.670
- Huyện Phú Riềng		73.068	62.659	58.881	67.228
- Huyện Lộc Ninh	55.438	53.376	60.883	69.124	71.579
- Huyện Bù Đốp	24.330	27.987	26.893	32.758	37.044
- Huyện Hớn Quản	66.761	68.147	69.907	75.413	72.045
- Huyện Đồng Phú	73.948	74.746	76.016	74.121	80.053
- Huyện Bù Đăng	120.718	121.588	109.404	85.880	112.250
- Huyện Chơn Thành	45.636	45.406	42.960	41.601	43.759